

g) Các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích hạn chế cấp phát miễn phí túi ni lông khó phân hủy cho khách hàng; niêm yết công khai giá bán túi ni lông khó phân hủy cho khách hàng.

h) Hạn chế dần tiến tới chấm dứt lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch (trừ các sản phẩm; hàng hóa đóng gói sẵn bằng bao bì nhựa khó phân hủy của nhà sản xuất) bắt đầu từ 01/01/2026 theo quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quản lý chất thải nhựa trong cơ quan, văn phòng, công sở

a) Các cơ quan, văn phòng, công sở hạn chế tối đa việc sử dụng nước uống đóng chai nhựa, cốc, ống hút và các sản phẩm nhựa dùng một lần trong hoạt động hằng ngày và trong các cuộc hội nghị, hội thảo, tập huấn, ngày lễ, ngày kỷ niệm và các chương trình, sự kiện khác do cơ quan tổ chức.

b) Sử dụng túi giấy, cặp giấy để đựng tài liệu hội họp thay thế cho túi cúc dùng một lần.

c) Hạn chế sử dụng băng rôn, áp phích, maket, khẩu hiệu làm bằng chất liệu nhựa trong cơ quan, công sở trừ trường hợp thực sự cần thiết.

d) Bố trí đủ các thiết bị dụng chất thải có khả năng tái chế (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt) phân biệt riêng với các thiết bị lưu chứa chất thải rắn khác; thiết bị phải được dán nhãn, ký hiệu riêng, để ở vị trí phù hợp để thuận tiện cho việc thu gom, phân loại.

đ) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt lồng ghép vào quy chế bảo vệ môi trường trong cơ quan, văn phòng, công sở. Truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị về phân loại, thu gom, giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt.

e) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các cơ quan, văn phòng, công sở báo cáo kết quả thực hiện quy định về quản lý chất thải nhựa phát sinh trong sinh hoạt tại đơn vị mình gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quản lý chất thải nhựa trong trường học

a) Chất thải nhựa phát sinh trong trường học chủ yếu là bao ni lông bọc sách vở, bút bi, bút mực bằng nhựa, túi cúc nhựa, các dụng cụ học tập làm bằng nhựa khác bị thải bỏ, vỏ kẹo, bánh, hộp sữa và các sản phẩm nhựa dùng một lần...

b) Sở Giáo dục- Đào tạo chỉ đạo đưa nội dung giáo dục, tuyên truyền về tác hại của chất thải rắn sinh hoạt và việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, phân loại rác tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vào Tài liệu giáo dục của các cấp học.

c) Các trường học ở tất cả các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông và các trường nghề phải xây dựng nội quy quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong trường học lồng ghép vào quy chế quản lý và vệ sinh môi trường; tuyên

truyền đến từng giáo viên, học sinh, sinh viên và cán bộ, viên chức, người lao động làm việc trong trường để thực hiện nghiêm túc; đưa chỉ tiêu về phân loại chất thải rắn, quản lý chất thải rắn sinh hoạt thành một trong các tiêu chí để bình xét, đánh giá chất lượng rèn luyện của các lớp, các trường.

Các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở: Hằng năm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình “Kế hoạch nhỏ” (thu gom chất thải có khả năng tái chế).

Các trường trung học phổ thông, đại học, cao đẳng, trung cấp nghề tổ chức các chương trình ngoại khóa để tuyên truyền, vận động và thực hiện các hoạt động về phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu chất thải nhựa;

d) Hạn chế tối đa các hoạt động phát thải chất thải rắn sinh hoạt trong các chương trình, lễ hội, sự kiện tổ chức tại các trường như: thả bóng bay, treo băng rôn, khẩu hiệu, pano bằng nhựa, sử dụng bao ni lông, chai nhựa, áo mưa tiện lợi và các sản phẩm nhựa dùng một lần trong các chương trình lễ hội, các hoạt động ngoại khóa do trường tổ chức.

đ) Các trường học tuyên truyền, khuyến khích giáo viên, học sinh, sinh viên thực hiện các nội dung sau:

- Từ năm học 2023-2024, thực hiện học sách vở bằng các loại giấy/bìa giấy không làm từ chất liệu nhựa; hạn chế việc học sách, vở bằng ni lông.

- Khi thải bỏ dụng cụ học tập, giảng dạy bằng nhựa phải để đúng nơi quy định, phân loại riêng với chất thải khác.

- Hạn chế sử dụng nước uống đóng chai nhựa trong các cuộc họp phụ huynh hoặc các chương trình hội họp, lễ hội khác trong nhà trường.

5. Quản lý chất thải nhựa trong các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch:

a) Hạn chế việc sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, pà nô, áp phích làm bằng nhựa, thả bóng bay trong các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn tỉnh trừ trường hợp thực sự cần thiết.

b) Kết thúc các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch, các cơ quan chủ trì sự kiện phải có trách nhiệm tổ chức thu gom chất thải phát sinh từ hoạt động tổ chức sự kiện, phân loại những sản phẩm còn có khả năng tái sử dụng cho sự kiện khác; các chất thải còn lại phải được thu gom, phân loại riêng chất thải tái chế (bao gồm cả chất thải rắn sinh hoạt) với chất thải khác và chuyển giao chất thải tái chế cho cơ sở có chức năng tái chế chất thải.

Chương IV

KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 16. Thanh tra, kiểm tra việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt

Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thanh tra, kiểm tra xử lý

kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường.

Điều 17. Xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động thải bỏ, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tham mưu đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; chỉ đạo tổ chức tuyên truyền, vận động, giáo dục pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

b) Chủ trì lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất để đầu tư phát triển khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; Hướng dẫn công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

c) Chủ trì, phối hợp với Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở xử lý, các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường;

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động;

đ) Hằng năm phối hợp với Sở Tài chính, rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho công tác tuyên truyền, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tham gia đánh giá năng lực thực hiện các hợp đồng đấu thầu, đặt hàng của các đơn vị thực hiện (gồm cả

khối lượng thực hiện và nguồn kinh phí sử dụng) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

e) Chịu trách nhiệm chủ trì, theo dõi, tổng hợp về chỉ tiêu phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức thẩm định quy hoạch, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng cho các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa bàn theo phân cấp.

b) Hướng dẫn, tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng công trình thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các khu trung tâm thương mại kết hợp với căn hộ; chung cư kết hợp với văn phòng; tổ hợp công trình cao tầng có chức năng hỗn hợp phù hợp với việc phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt, quản lý, khai thác, trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với các sở, ban ngành hướng dẫn cơ chế ưu đãi và hỗ trợ tài chính đối với hoạt động đầu tư cho quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nhựa.

d) Hướng dẫn cơ chế tài chính đối với các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng nguồn vốn ngân sách.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư lĩnh vực quản lý chất thải rắn sinh hoạt, tham mưu bố trí vốn từ nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật đầu tư công và các quy định khác có liên quan;

b) Rà soát, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư;

c) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và địa phương liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết việc đấu thầu lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Luật Đấu thầu được quy định tại khoản 4 Điều 10 và khoản 7 Điều 12 Quy định này.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung, tài liệu giáo dục về bảo vệ môi trường liên quan đến quản lý phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nhựa để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Giao thông vận tải:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn hướng dẫn về tuyến đường chính, thời gian thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết, trạm trung chuyển đến khu xử lý chất thải rắn.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu chạy xe; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình hoạt động của phương tiện.

7. Sở Công thương:

Xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung tuyên truyền, vận động các cửa hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chợ thương mại sử dụng sản phẩm bao bì thân thiện môi trường thay thế dần cho sản phẩm bao bì nhựa dùng một lần, khó phân hủy.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

Nghiên cứu các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường để tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai ứng dụng trong hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo cơ quan thông tin, báo chí và hệ thống thông tin cơ sở tổ chức tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; giảm thiểu rác thải nhựa.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các hoạt động về phân loại, tái chế, tái sử dụng, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định.

10. Các sở, ban, ngành khác:

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải

rắn sinh hoạt theo đúng quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

11. Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Trung tâm Văn hóa - Truyền thông huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng tại địa phương; kịp thời phát hiện các tổ chức, cá nhân, mô hình hay, điển hình và thiết thực để phổ biến, tuyên truyền nhân rộng.

12. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong khu kinh tế theo quy định.

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế; phát hiện kịp thời vi phạm và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

2. Chủ trì tổ chức xây dựng và ban hành lộ trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để làm cơ sở đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ theo quy định; hằng năm xây dựng và triển khai kế hoạch quản lý chất thải rắn sinh hoạt và giảm thiểu rác thải nhựa trên địa bàn.

3. Phối hợp với Mặt Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực đảm bảo vệ sinh môi trường và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

4. Chủ động nguồn lực để đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương, khuyến khích xã hội hóa về phân loại, thu gom, vận chuyển và đầu tư xây dựng công trình, dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng đủ trạm trung chuyển phù hợp với quy hoạch được duyệt để đảm bảo phục vụ cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn;

6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo phân cấp và các cơ quan, đơn vị, xã, phường, thị trấn trên địa bàn; xử lý vi phạm pháp luật theo thẩm quyền.

7. Công bố rộng rãi số điện thoại đường dây nóng lĩnh vực môi trường của địa phương để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường (nếu có);

8. Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết;

9. Quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý và điểm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hằng năm bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị công cộng phục vụ quản lý bảo vệ môi trường và chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng công trình, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

10. Tổng hợp kết quả thực hiện quy định về quản lý chất thải nhựa trong sinh hoạt của các cơ quan, văn phòng, công sở theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 15 Quy định này để lồng ghép vào báo cáo theo quy định tại Khoản 11 Điều này gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

11. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trong năm; định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 20 tháng 01 năm tiếp theo để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và các quy định sau:

1. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Định kỳ trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo đánh giá, kết quả triển khai thực hiện trong năm, đồng thời nêu những khó khăn, bất cập trong quá trình triển khai và kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện.

2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý hoạt động thu gom, tập kết, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các thôn, xóm, tổ dân phố và các tổ chức tự quản; định kỳ tổ chức các hoạt động ra quân vệ sinh môi trường; tổ chức cho các hộ gia đình ký cam kết và thực hiện phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa và giữ gìn vệ sinh môi trường.

3. Phối hợp với các chủ cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định cụ thể thời gian, phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại các hộ gia đình, chủ nguồn thải và thời gian chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm cố định phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, từng địa bàn.

4. Phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp huyện trong việc lựa chọn và xây dựng các điểm tập kết/trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; Phổ biến thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đến tất cả hộ gia đình và chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quản lý.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đoàn thể cấp xã tuyên truyền, vận động, phổ biến các nội dung liên quan đến việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

6. Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giảm thiểu rác thải nhựa. Rà soát, tổ chức cho các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, chợ dân sinh, khách sạn, nhà hàng, quán nước, quán cà phê, quán ăn vỉa hè, cơ sở kinh doanh du lịch và cơ sở kinh doanh dịch vụ khác trên địa bàn quản lý thực hiện nội dung ký cam kết về giảm thiểu rác thải nhựa, hạn chế việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy sinh học.

7. Xem xét, giải quyết kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; công khai trên phương tiện truyền thông của xã hoặc trong các cuộc họp về những trường hợp vi phạm về phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Điều 21. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp

1. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện các giải pháp hạn chế phát sinh chất thải, nhất là phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; tái chế, tái sử dụng, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.

2. Giám sát việc triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Quy định này; hằng năm tổng hợp kết quả thực hiện trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc - các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện quy định này; quán triệt, tuyên truyền nội dung Quy định này đến các tổ chức, cá nhân và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn trong Quy định này có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

(Vị trí tiếp nhận đất đá thừa trong quá trình xây dựng
dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu)

Thời gian làm việc: ngày 8 tháng 11 năm 2023.

Địa điểm: UBND xã Thượng Tân Lộc

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. UBND xã Thượng Tân Lộc

Ông: Nguyễn Cảnh Lộc - Chủ tịch UBND

2. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I

Ông: Đặng Hải Anh - Chuyên viên phòng xây dựng

II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ LÀM VIỆC

Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đang trong giai đoạn lập báo cáo Thiết kế kỹ thuật. Theo tính toán, sau khi thi công các vị trí móng cột điện trên địa bàn xã sẽ thừa ra 1 lượng đất đá cần phải vận chuyển ra khỏi các vị trí thi công. Do vậy cần phải khảo sát, lựa chọn các vị trí phù hợp để tiếp nhận lượng đất đá thừa, trong đó ưu tiên các vị trí có nhu cầu về san lấp mặt bằng.

Sau khi hai bên trao đổi về nhu cầu sử dụng đất đá san lấp mặt bằng của xã, đã dự kiến được một số vị trí tiếp nhận lượng đất đá thừa của dự án, đảm bảo về an toàn, môi trường, cụ thể:

1) Vị trí 1:

- Địa điểm: khu vực mở rộng 7 tuyến đường giao thông, xây dựng nông thôn mới tại xóm Thiên Tân, xóm Minh Tân, xóm Phú Lộc, xóm Đại Lộc, xóm Lộc Tiến và xóm Đại Thắng

- Điều kiện giao thông: Đường nông thôn

- Khả năng tiếp nhận: chứa được khoảng 15.000m³

2) Vị trí 2:

- Địa điểm: Khu quy hoạch mở rộng vùng dân cư tại xóm Phú Lộc và vùng Bàu Sâu xóm Đại Lộc, vùng nhà Hả xóm Lộc Tiến, vùng đất Mạ Lậy xóm Đại Thắng

- Điều kiện giao thông: đường nông thôn

- Khả năng tiếp nhận: có thể chứa được khoảng 50.000m³ đến 60.000 m³

3) Vị trí 3:

- Địa điểm: Khu vực Bàu Sen xóm Minh Tân.

- Điều kiện giao thông: đường giao thông nông thôn.

Phụ lục I.2:
Phiếu kết quả phân tích môi trường nền

bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu trên đất (nếu có) và các công việc liên quan khác theo các quy định hiện hành.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

**ĐD. CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
XÂY DỰNG ĐIỆN 1**



Đặng Hải Anh

**ĐD UBND XÃ DIỄN PHÚ
CHỦ TỊCH**



Thái Bá Thế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN

(Vị trí tiếp nhận đất đá thừa trong quá trình xây dựng dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu)

Thời gian làm việc: ngày 8 tháng 11 năm 2023.

Địa điểm: UBND xã Diễn Phú

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. UBND xã Diễn Phú

Ông: Thái Bá Thê - Chủ tịch UBND

2. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

Ông: Đặng Hải Anh - Chuyên viên phòng xây dựng

II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ LÀM VIỆC

Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đang trong giai đoạn lập báo cáo Thiết kế kỹ thuật. Theo tính toán, sau khi thi công các vị trí móng cột điện trên địa bàn xã sẽ thừa ra 1 lượng đất đá cần phải vận chuyển ra khỏi các vị trí thi công. Do vậy cần phải khảo sát, lựa chọn các vị trí phù hợp để tiếp nhận lượng đất đá thừa, trong đó ưu tiên các vị trí có nhu cầu về san lấp mặt bằng.

Sau khi hai bên trao đổi về nhu cầu sử dụng đất đá san lấp mặt bằng của xã, đã dự kiến được một số vị trí tiếp nhận lượng đất đá thừa của dự án, đảm bảo về an toàn, môi trường, cụ thể:

1) Vị trí 1:

- Địa điểm: Bãi đất thải khu trại lợn thuộc địa phận xóm 2 xã Diễn Phú, cách UBND xã khoảng 2km tính từ hướng tuyến đường dây đi.

- Điều kiện giao thông: Đường nông thôn

- Khả năng tiếp nhận: Diện tích bãi chứa khoảng 2300 m².

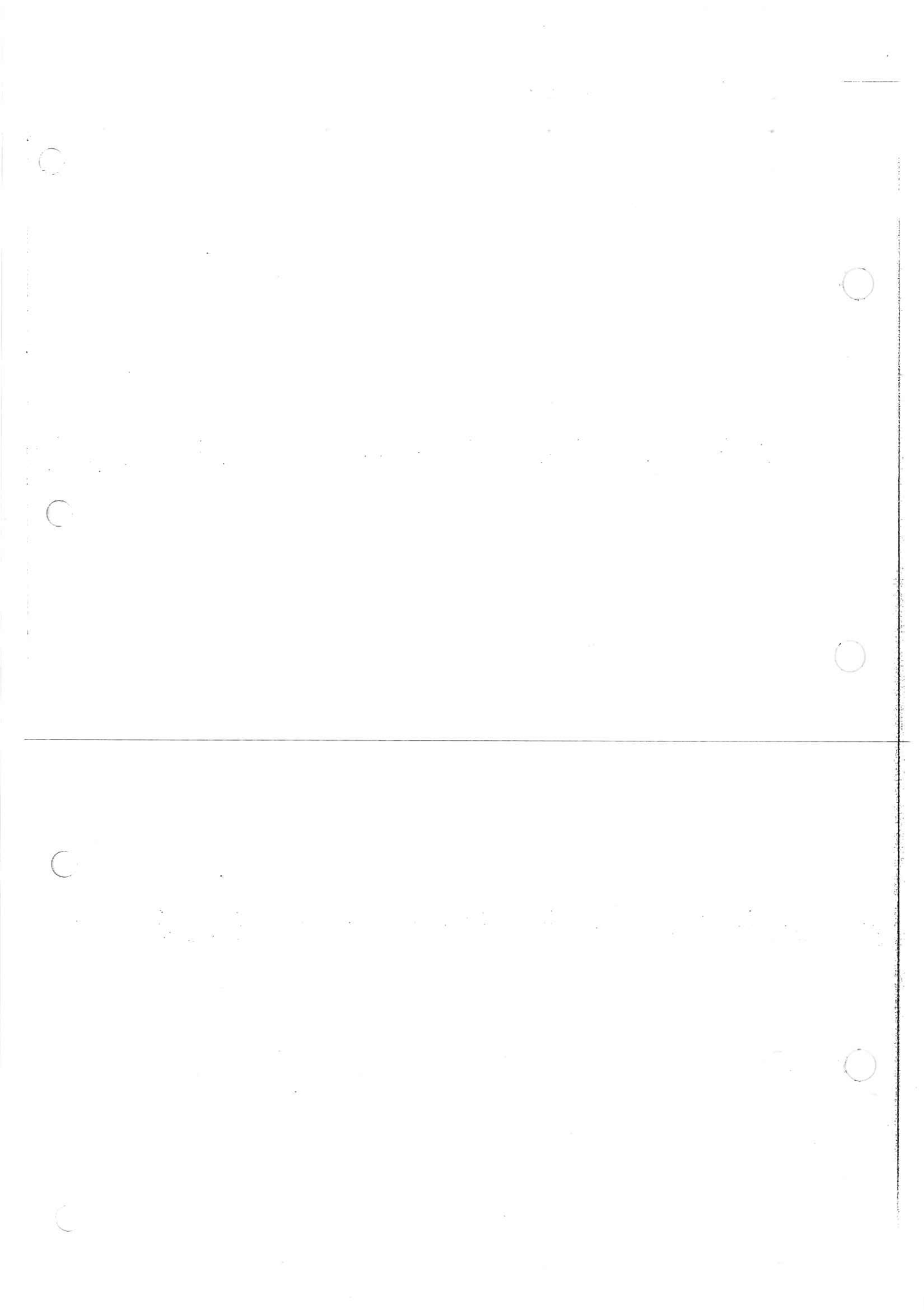
2) Vị trí 2:

- Địa điểm: Khu đất trống thuộc xóm 7 xã Diễn Phú, cách UBND xã khoảng 1,5km tính từ hướng tuyến đường dây đi

- Điều kiện giao thông: đường nông thôn

- Khả năng tiếp nhận: Diện tích bãi chứa khoảng 2000 m²

Trước khi thi công dự án, Chủ dự án và Nhà thầu thi công sẽ tiến hành khảo sát chi tiết, thống nhất phương án đổ thải, san lấp với chính quyền địa phương, tiến hành



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: VIMCERTS 089
(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Trung tâm nghiên cứu, dịch vụ công nghệ và môi trường

Trụ sở chính: 20 đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 20 đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số: 577 /QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Thảo Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 068184001637

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày cấp: 04 tháng 5 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày 24 tháng 3 năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

- 1. Nước:
 - Lấy mẫu: 05
 - Nước mặt: 02
 - Nước thải: 04
 - Nước biển: 02
 - Nước dưới đất:
- 2. Khí:
 - Không khí xung quanh: 11
 - Khí thải: 01
- 3. Đất:
 - Lấy mẫu: 01
- 4. Trầm tích:
 - Lấy mẫu: 01
- 5. Bùn:
 - Lấy mẫu: 01
- 6. Chất thải rắn:
 - Lấy mẫu: 01

- Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Đo tại hiện trường: 03 thông số
- Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Đo tại hiện trường: 10 thông số

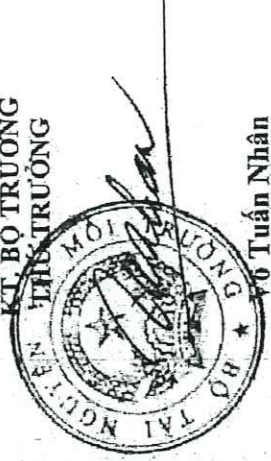
II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- 1. Nước:
 - Nước mặt: 27 thông số
 - Nước thải: 32 thông số
 - Nước biển: 13 thông số
 - Nước dưới đất: 25 thông số
- 2. Khí:
 - Không khí xung quanh: 08 thông số
 - Khí thải: 01 thông số
- 3. Đất:
 - 10 thông số
- 4. Trầm tích:
 - 05 thông số
- 5. Bùn:
 - 10 thông số
- 6. Chất thải rắn:
 - 10 thông số

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Trung tâm nghiên cứu, dịch vụ công nghệ và môi trường

Trụ sở chính: 20 đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 20 đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 028 3916 2814

- Địa chỉ Email: doanngoc.etc@gmail.com

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường**
(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 577 /QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: 089/TN-QTMT.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Trung tâm nghiên cứu, dịch vụ công nghệ và môi trường;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).



Võ Tuấn Nhân

Số: 577 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

